

Số: 4437 /BTP- PBGDPL

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2021

V/v hướng dẫn khen thưởng việc thực hiện
Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật
giai đoạn 2017-2021

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Hội Luật gia Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021 (sau đây gọi là Chương trình), Quyết định số 1140/QĐ-BTP ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình, để biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình, Bộ Tư pháp hướng dẫn các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương triển khai thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, THẨM QUYỀN, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng theo thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, địa phương

Căn cứ kết quả tổng kết Chương trình và các Đề án thuộc Chương trình, đề nghị các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương chủ động khen thưởng theo thẩm quyền đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện đối với địa bàn, lĩnh vực quản lý.

2. Đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương được lựa chọn

Trên cơ sở kết quả Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chương trình và các Đề án thuộc Chương trình, kết hợp theo dõi tình hình thực tế, Bộ Tư pháp đã lựa chọn các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương đề nghị phối hợp thực hiện việc khen thưởng (có Danh sách kèm theo). Theo đó, các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất trong triển khai các nhiệm vụ của Chương trình và các Đề án thuộc Chương trình tại các địa phương, đơn vị cơ sở, tổ chức thuộc phạm vi



quản lý để đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen, cụ thể như sau:

a) Đối với Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

- Trên cơ sở tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại phần II Công văn này, bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương thuộc Danh sách khen thưởng lựa chọn 01 tập thể hoặc 01 cá nhân xuất sắc nhất, ưu tiên tập thể nhỏ, cá nhân trực tiếp triển khai Chương trình và các Đề án trong Chương trình để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét tặng Bằng khen.

- Căn cứ kết quả đề xuất, Bộ Tư pháp sẽ lựa chọn, xét tặng Bằng khen các tập thể, cá nhân được các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương giới thiệu, đề nghị.

b) Đề nghị xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Trên cơ sở đánh giá kết quả công tác hướng dẫn, theo dõi, triển khai Chương trình, các Đề án thuộc Chương trình trên toàn quốc và căn cứ Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và các địa phương đề xuất xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp sẽ lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc nhất để phối hợp trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen theo quy định tại Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

II. TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Trong quá trình triển khai Chương trình từ năm 2017 đến năm 2021, tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tiêu chuẩn đối với tập thể

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không có cá nhân vi phạm kỷ luật phải bị xử lý từ hình thức khiển trách trở lên.

b) Được bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương bình xét, suy tôn.

c) Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền được giao, trong đó có những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Chủ động tổ chức triển khai Chương trình đồng bộ với Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), các Chương trình, Đề án khác tại bộ, ngành, địa phương; chú trọng chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ;

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm, có hiệu quả về PBGDPL; đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác này.

- Tích cực tham mưu hoặc tham gia xây dựng, củng cố kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL;

- Bố trí các điều kiện bảo đảm (nhân lực và kinh phí, cơ sở vật chất) triển khai hiệu quả công tác PBGDPL và thực hiện tốt công tác xã hội hóa hoạt động PBGDPL;

- Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ và Đề án thuộc Chương trình; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện Chương trình.

2. Tiêu chuẩn đối với cá nhân

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Được bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương bình xét, suy tôn.

c) Tham gia tích cực, đạt thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL.

d) Nhiệt tình, trách nhiệm và tâm huyết trong triển khai thực Chương trình và các Đề án trong Chương trình theo nhiệm vụ được giao.

đ) Có giải pháp, đề xuất đã được áp dụng, nhân rộng góp phần nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình và các Đề án trong Chương trình tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

3. Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, đối với đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, tập thể, cá nhân phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Thành tích xuất sắc đạt được, các sáng kiến, đề xuất, mô hình, cách làm sáng tạo trong triển khai thực hiện Chương trình và các đề án trong Chương trình phải có phạm vi ảnh hưởng và có khả năng phổ biến, nhân rộng trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố hoặc bộ, ngành.

- Đã được tặng Bằng khen của bộ, ngành, đoàn thể trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác PBGDPL trong giai đoạn 2017-2021.

III. HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

1. Đối với hồ sơ đề nghị xét khen thưởng theo thẩm quyền của bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương

Hồ sơ, thủ tục xét khen thưởng theo thẩm quyền của các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua,

khen thưởng; quy định của các cơ quan, tổ chức có liên quan về tuyển trình và thẩm quyền khen thưởng.

2. Đối với hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được lập thành 01 bộ (bản chính), gồm các văn bản sau:

a) Văn bản của cơ quan, tổ chức, địa phương đề nghị xét, tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp (sau đây gọi là Thông tư số 05/2018/TT-BTP) (01 bản chính - kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị).

b) Biên bản bình xét tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong giai đoạn triển khai Chương trình của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP (01 bản chính).

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP có xác nhận, ký tên, đóng dấu theo quy định (01 bản chính).

Nội dung báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân phải nêu được kết quả nổi bật theo sát các tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Phần II Công văn này, đồng thời ghi rõ các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận trong lĩnh vực công tác PBGDPL (nếu có).

3. Đối với đề nghị xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (đối với những tập thể, cá nhân được Bộ Tư pháp lựa chọn đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) được lập thành 02 bộ (bản chính) gửi về Bộ Tư pháp (thời hạn sẽ được thông báo sau). Mỗi bộ hồ sơ gồm các thành phần sau:

a) Tờ trình của Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, địa phương (theo mẫu quy định) đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (01 bản chính);

b) Biên bản họp bình xét tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong giai đoạn triển khai Chương trình của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP (01 bản chính).

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có xác nhận, ký tên, đóng dấu của cấp trình Thủ tướng Chính phủ theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (02 bản chính).

Nội dung báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân phải nêu được kết quả nổi bật theo sát các tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Phần II Công văn này, đồng thời ghi rõ các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận trong lĩnh vực công tác

PBGDPL từ Bằng khen của ban, bộ, ngành, đoàn thể trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên (nếu có).

d) Các bản phô tô có chứng thực Quyết định khen thưởng từ Bằng khen của ban, bộ, ngành, đoàn thể trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên (01 bản đối với mỗi hình thức khen thưởng đã được ghi nhận) (nếu có).

* **Lưu ý:** Ngoài bộ hồ sơ gửi theo đường công văn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị đồng thời gửi các tệp điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng .doc đối với tờ trình, danh sách đề nghị khen thưởng, báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị; ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp (thidukhenthuong@moj.gov.vn).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ hướng dẫn này, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tổ chức pháp chế hoặc đơn vị tham mưu thực hiện công tác PBGDPL của các ban, bộ, ngành, tổ chức đoàn thể trung ương có trách nhiệm tham mưu thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn, đồng thời làm đầu mối tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp trước ngày **10/12/2021** (theo dấu bưu điện). Các trường hợp hồ sơ gửi sau thời gian trên sẽ không được tiếp nhận.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật¹ hoặc Vụ Thi đua - Khen thưởng² để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Tổ chức pháp chế/đơn vị tham mưu thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các ban, bộ, ngành, đoàn thể trung ương (để thực hiện);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT, Vụ PBGDPL.

**KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Tịnh

¹ Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp, số điện thoại: 024.62739480 (Đ/c Nguyễn Thùy Nhung).
² Vụ Thi đua – Khen thưởng, Bộ Tư pháp, số điện thoại: 024.62739565 (Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Bích).

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Công văn số 4437/BTP-PBGDPL ngày 23/ 11/2021 của Bộ Tư pháp)**I. Đối với các ban đảng, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương**

1. Bộ Quốc phòng
2. Bộ Công an
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo
4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
5. Bộ Tài chính
6. Bộ Nội vụ
7. Bộ Thông tin và Truyền thông
8. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
9. Bộ Tài Nguyên và Môi trường
10. Ủy ban Dân tộc
11. Thanh tra Chính phủ
12. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
13. Tòa án nhân dân tối cao
14. Viện kiểm sát nhân dân tối cao
15. Hội luật gia Việt Nam
16. Liên đoàn Luật sư Việt Nam
17. Đài Truyền hình Việt Nam
18. Đài Tiếng nói Việt Nam
19. Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
20. Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
21. Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
22. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam
23. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
24. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

II. Đối với địa phương

1. Quảng Ninh
2. Tuyên Quang
3. Bến Tre
4. Thái Nguyên
5. Bắc Ninh

6. Lạng Sơn
7. Nghệ An
8. Bình Dương
9. Kiên Giang
10. Lâm Đồng
11. Bà Rịa - Vũng Tàu
12. Hải Dương
13. Bắc Kạn
14. Quảng Bình
15. Hà Nội
16. Bình Phước
17. Điện Biên
18. Vĩnh Phúc
19. Bạc Liêu
20. Hải Phòng
21. Bình Định
22. Cà Mau
23. Hà Tĩnh
24. Hồ Chí Minh
25. Đồng Tháp
26. Quảng Trị
27. Vĩnh Long
28. Cần Thơ
29. An Giang
30. Lào Cai